

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 – NGHỆ AN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 07-5-2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nghệ

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Hằng và bà Trần Thị Thanh Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Văn Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 58/2026/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1990. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ trước đi xuất cảnh: Thôn D, xã Q (xã S, huyện Q cũ), tỉnh Nghệ An

Nơi ở hiện nay: Số nhà A, làn đường B, đường Đ, huyện H, thành phố C, Đài Loan, Trung Quốc.

Người được ủy quyền: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn F, xã Q (xã S, huyện Q cũ), tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1989. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn D, xã Q (xã S, huyện Q cũ), tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970. Số CCCD: 040170002669.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn F, xã Q (xã S, huyện Q cũ), tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị O trình bày:

Chị và anh Trần Văn M đăng ký kết hôn ngày 03/01/2012 tại UBND xã S, huyện Q (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được hai người con chung. Do điều kiện tôi phải sang Đài Loan lao động, sau đó anh M cũng sang cùng, vợ chồng chung sống được 1 năm thì anh M quay trở lại Việt Nam. Do khoảng cách giữa hai vợ chồng xa nhau và tính tình hai vợ chồng ngày càng không hoà hợp, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân 5 năm nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, để mỗi người có một cuộc sống riêng. Tôi làm đơn này xin ly hôn anh Trần Văn M.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Nam K, sinh ngày 03/10/2012 và Trần Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 05/9/2015. Ly hôn chị O xin được nuôi con chung là Trần Nguyễn Quỳnh T1, nhường con Trần Nam K cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Trần Văn M trình bày: Anh thống nhất như lời trình bày của chị O về thời gian, địa điểm, điều kiện đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được hai người con là Trần Nam K và Trần Nguyễn Quỳnh T. Sau đó chị O đi Đài Loan để lao động, thì anh cũng sang Đài Loan, vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và anh trở lại Việt Nam còn chị O vẫn tiếp tục ở lại Đài Loan. Vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó đến nay đã 5 năm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, không còn tiếng nói chung. Nay chị O làm đơn xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Nam K, sinh ngày 03/10/2012 và Trần Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 05/9/2015. Cháu Trần Nam K hiện nay đang ở với anh, cháu Trần Nguyễn Quỳnh T1 hiện nay đang ở với chị O và bà Nguyễn Thị L (là mẹ của chị O). Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Nam K, đồng ý để con chung là Trần Nguyễn Quỳnh T1 cho chị O được trực tiếp nuôi con. Tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Vợ chồng tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị O, năm 2012 chị O và anh Trần Văn M kết hôn với nhau, sinh được 02 người

con là Trần Nam K, sinh ngày 03/10/2012, Trần Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 05/9/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu Trần Nguyễn Quỳnh T1 ở với bà còn cháu Trần Nam K ở với anh Trần Văn M. Nay chị O, anh M ly hôn, trong thời gian chị O ở nước ngoài Tôi đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Quỳnh T1 và không yêu cầu chị O, anh M phải trả các chi phí nuôi dưỡng cháu đến khi chị O trở về Việt Nam.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Nghệ An: Chị Nguyễn Thị O và anh Trần Văn M đăng ký kết hôn ngày 03/01/2012 tại UBND xã S, huyện Q nay là xã Q, tỉnh Nghệ An. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân như thế nào thì địa phương không biết vì không qua hòa giải tại cơ sở. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Nam K, sinh ngày 03/10/2012 và Trần Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 05/9/2015.

Cháu Trần Nguyễn Quỳnh T có đơn xin được ở với mẹ và bà ngoại.

Cháu Trần Nam K có đơn xin được ở với bố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 122, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 469 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Về tình cảm: Cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Trần Văn M

Về con chung: Giao cho anh Trần Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Trần Nam K cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao cháu Trần Nguyễn Quỳnh T cho chị Nguyễn Thị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho nhau vì cả hai bên chưa yêu cầu, tạm giao cho T cho bà Nguyễn Thị L chăm sóc nuôi dưỡng đến khi chị Nguyễn Thị O về nước.

Về án phí: Chị O phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị O có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung với anh Trần Văn M, đây là vụ án “Ly

hôn, tranh chấp về nuôi con”. Anh Trần Văn M có hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã Q, tỉnh Nghệ An. Nên Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 122, Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị O và anh Trần Văn M có đăng ký kết hôn ngày 03/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã S nay là UBND xã Q, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, hôn nhân giữa chị O và anh M là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống do tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đều thừa nhận đã hết tình cảm với nhau, chị O đề nghị ly hôn anh M cũng đồng ý, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị O và anh M đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục. Do đó cần áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Trần Văn M.

[2.1] Về con chung: Chị O và anh M có 02 con chung là Trần Nam K, sinh ngày 03/10/2012, Trần Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 05/9/2015. Hiện nay cháu K đang ở với anh M, cháu T đang ở với bà Nguyễn Thị L (là bà ngoại của cháu T). Xét thấy, hiện tại cháu K đang ở với anh M và cháu T đang ở bà L đều khỏe mạnh phát triển, đi học bình thường. Chị O, anh M đều có ý kiến giao mỗi người nuôi một con, bà L đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Quỳnh T1 trong thời gian chị O ở nước ngoài và không yêu cầu chị O, anh M phải trả các chi phí nuôi dưỡng cháu đến khi chị O trở về Việt Nam. Ngoài ra cháu T1 cũng có nguyện vọng với chị O, cháu K có nguyện vọng ở với anh M. Do đó cần tiếp tục giao cháu K cho anh M nuôi dưỡng, giao cháu T1 cho chị O nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, hiện nay chị O đang ở nước ngoài, bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ của chị O đang trực tiếp nuôi cháu T1 nên tạm giao cháu T1 cho bà L nuôi dưỡng cho đến khi chị O về nước.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu chị O, anh M phải trả các chi phí nuôi dưỡng cháu T1 đến khi chị O trở về Việt Nam. Chị O, anh M không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản: Chị O, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238 Điều 469, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 122, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị O.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Trần Văn M.

- Về con chung: Giao con chung là Trần Nam K, sinh ngày 03/10/2012 cho anh Trần Văn M được trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung là Trần Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 05/9/2015 cho chị Nguyễn Thị O được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị O đang ở nước ngoài nên tạm giao cháu Trần Nguyễn Quỳnh T cho bà Nguyễn Thị L (là bà ngoại của cháu T) nuôi dưỡng cho đến khi chị Nguyễn Thị O về nước.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị O, anh M vì không ai có yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị O, anh Trần Văn M có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị O, anh Trần Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị O đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0001032 ngày 10/02/2026.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn M, bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị O có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 4 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quỳnh Phú (xã Sơn Hải cũ ĐKKH số 02/2010);
- Đường sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nghệ

